

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH G**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07/2021/DS-ST**.

Ngày: 26/3/2021.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đình Toàn.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện K, tỉnh G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện K, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Nông Trường Sinh-Kiểm sát viên (KSV).

Ngày 26/3/2021, tại trụ sở TAND huyện K, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2020/TLST-DS ngày 17/11/2020 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-DS ngày 05/02/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng);

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh B, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện K Đông G.

Địa chỉ: Số 35 Võ Thị Sáu, thị trấn K, huyện K, tỉnh G.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969 và bà Mai Thị Q, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Thôn Thống Nhất, xã S, huyện K, tỉnh G.

Ông B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L và bà Q lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và được bổ sung tại bản tự khai ngày 17/11/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Thanh B trình bày:

Ngày 24/5/2019, vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Q đã vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) Việt Nam thông qua chi nhánh huyện K Đông G với số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số: 1860/HĐTD ngày 24/5/2019; mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò thịt 15 con; thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày 24/5/2019, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 24/5/2020; lãi suất cho vay trong hạn là 10,1%/năm, lãi suất quá hạn bằng 15,15%/năm; khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1698/HĐTC ngày 15/5/2018 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số: 1698-01/PLHĐTC ngày 24/5/2019, Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/5/2018, tài sản bảo đảm là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AB 899288 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K cấp ngày 24/6/2005.

Sau khi vay vốn, ông L và bà Q đã sử dụng vốn vay không hiệu quả. Đến ngày 25/5/2020, ông bà không trả nợ theo cam kết nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông bà trả nợ nhưng ông bà vẫn cố tình không trả. Vì vậy, tính đến hết ngày 04/11/2020, ông L và bà Q còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 28.390.685 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.807.123 đồng (*các khoản lãi tạm tính đến ngày 04/11/2020*). Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L và bà Q phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh tạm tính đến ngày 04/11/2020 là 335.197.808 đồng

Tại Bảng kê tính lãi, Ngân hàng bổ sung yêu cầu ông L và bà Q phải trả thêm số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh từ ngày 05/11/2020 đến ngày 26/3/2021 (*ngày xét xử sơ thẩm*) lần lượt là **11.787.945 đồng và 5.893.973 đồng**. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu ông L và bà Q phải trả nợ tổng cộng là **352.879.726 đồng, gồm: Nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 40.178.630 đồng và nợ lãi quá hạn là 12.701.096 đồng** (*các khoản lãi tính đến ngày 26/3/2021*).

Ngoài ra, do thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng còn yêu cầu: Trường hợp ông L và bà Q không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì ông bà phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm (0,0277%/ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (thời gian chậm trả tính theo ngày).

Trường hợp ông L và bà Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NNN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện K Đông G có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông L và bà Q để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng thông qua Ngân hàng NNN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện K Đông G có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông L và bà Q để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Các tài L, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

-01 Quyết định ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNo - PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (bản sao);

-01 Giấy ủy quyền số 355/NHNNKBĐGL-TH ngày 04/11/2020 (bản chính);

- 02 CMND mang tên Nguyễn Văn L và Mai Thị Q (đều là bản sao);

- 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Mai Thị Q (bản sao);

-01 Phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Q (bản sao);

-01 Hợp đồng tín dụng số 1860/HĐTD ngày 24/5/2019 giữa Agribank chi nhánh huyện K Đông G với ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Q (bản sao);

- 01 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bên thế chấp ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Q và bên nhận thế chấp Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện K Đông G (bản sao);

- 01 Phụ lục hợp đồng thế chấp 1698-01/PLHĐTC ngày 24/5/2019 giữa bên thế chấp ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Q và bên nhận thế chấp Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện K Đông G (bản sao);

- 01 Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Q (bản sao);

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 899288 ngày 24/6/2005 (bản sao);

- 01 Giấy cam kết trả nợ vay ngân hàng của bà Mai Thị Q (bản sao);

- 02 Giấy báo nợ đến hạn ngày 22/11/2019 và ngày 15/5/2020 (bản sao);

-02 Thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 29/11/2019 và ngày 25/5/2020 (bản sao);

- 01 Giấy cam kết trả nợ vay ngân hàng đã quá hạn của bà Mai Thị Q (bản sao);

-02 Biên bản làm việc v/v giải quyết nợ vay ngân hàng quá hạn ngày 10/7/2020 và ngày 27/8/2020 (đều là bản sao);

- 01 Biên bản xác minh ngày 28/9/2020 (bản sao);

- Sổ giao dịch tiền vay mang tên Nguyễn Văn L (bản sao);

- 01 Bảng kê tạm tính lãi (bản chính);

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Q:

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện K, tỉnh G đã triệu tập ông L và bà Q đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên công khai chứng cứ và hoà giải do Tòa án tổ chức nhưng ông bà không chấp hành có mặt làm việc.

Do vụ án không tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải được vì ông L và bà Q vắng mặt nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 04/3/2021 và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Tòa án đã tổng đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ nhưng ông L và bà Q đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo như quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969 và bà Mai Thị Q, sinh năm 1982, có địa chỉ tại: Thôn Thống Nhất, xã S, huyện K, tỉnh G; điều này được thể hiện qua Biên bản xác minh hộ khẩu, nhân khẩu do Trưởng công an xã S ký xác minh (bản chính).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện K, tỉnh G về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 26, 35, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 157, 180, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015; Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Q phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là **352.879.726 đồng, gồm: Nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 40.178.630 đồng và nợ lãi quá hạn là 12.701.096 đồng (các khoản lãi tính đến ngày 26/3/2021).**

- Buộc ông L và bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) là **17.643.986 đồng.**

- Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là **8.379.945 đồng.**

- Ông L và bà Q phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài L, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Việc vay vốn giữa ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Q với Ngân hàng được thể hiện qua Hợp đồng tín dụng số: 1860/HĐTD ngày 24/5/2019 là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Ngân hàng là chủ thể cho rằng mình có quyền lợi bị xâm phạm vì sau khi vay vốn, ông L và bà Quý đã không trả nợ theo cam kết nên Ngân hàng được quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K, tỉnh G theo như quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là Hợp đồng tín dụng số: 1860/HĐTD ngày 24/5/2019 được ký kết giữa Ngân hàng với ông L và bà Quý đã thể hiện rõ việc Ngân hàng cho ông L, bà Quý vay số tiền là 300.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò thịt 15 con; thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày 24/5/2019, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 24/5/2020; lãi suất cho vay trong hạn là 10,1%/năm, lãi suất quá hạn bằng 15,15%/năm; khoản vay này được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1698/HĐTC ngày 15/5/2018 và

Phụ lục hợp đồng thế chấp số: 1698-01/PLHĐTC ngày 24/5/2019, Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/5/2018, tài sản bảo đảm là GCNQSDĐ số AB 899288 do UBND huyện K cấp ngày 24/6/2005.

Sau khi vay vốn, ông L và bà Q sử dụng vốn vay không hiệu quả, không trả được nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông bà trả nợ. Điều này thể hiện việc ông L và bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, buộc Ngân hàng phải chuyển khoản nợ của ông bà thành nợ quá hạn và khởi kiện đòi nợ là có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L và bà Q luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình; điều này đã thể hiện rõ việc ông bà có vay nợ nên ông bà phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông L và bà Q là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX chấp nhận toàn bộ: Buộc ông L và bà Q phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, **nợ lãi trong hạn là 40.178.630 đồng** và nợ lãi quá hạn là **12.701.096 đồng** (các khoản lãi tính đến ngày 26/3/2021), tổng cộng là **352.879.726 đồng**.

Tại Hợp đồng tín dụng số: 1860/HĐTD ngày 24/5/2019 giữa hai bên đương sự có thỏa thuận về việc ông L và bà Q nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NNN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện K Đông G có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện K Đông G có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông L và bà Q không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì ông bà phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm (0,0277%/ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (thời gian chậm trả tính theo ngày).

Xét các thỏa thuận này của hai bên là tự nguyện và đúng pháp luật nên Ngân hàng có các quyền này khi yêu cầu thi hành án đối với nghĩa vụ trả nợ của bị đơn.

Ngày 19/01/2021, TAND huyện K đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là thửa đất số 32b, tờ bản đồ số 26 thuộc GCNQSDĐ số AB 899288 của UBND huyện K cấp ngày 24/6/2005 cho ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Q. Qua thẩm định đã xác định thửa đất thế chấp đúng diện tích 180m² (100m² đất ở và 80m² đất LCN) tại thôn Thống Nhất, xã S, huyện K, tỉnh G; đúng vị trí, số tờ, số thửa so với GCNQSDĐ số AB 899288 ngày 24/6/2005 và không có tranh chấp với bên thứ ba.

[3] Về án phí DSST: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông L và bà Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 17.643.986 đồng, hoàn trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông L và bà Q phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng. Do Ngân hàng đã nộp số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông L và bà Q phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 155, 156, 157, 158, 180, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, 118, 119, 280, 299, 317, 319, 322, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Q phải trả cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện K Đông G số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 1860/HĐTD ngày 24/5/2019, gồm: Nợ gốc là 300.000.000 đồng, **nợ lãi trong hạn là 40.178.630 đồng** và nợ lãi quá hạn là **12.701.096 đồng** (các khoản lãi tính đến ngày 26/3/2021), tổng cộng là **352.879.726 đồng (ba trăm năm mươi hai triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).**

Trường hợp ông L và bà Q không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện K Đông G có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông L và bà Quý theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1698/HĐTC ngày 15/5/2018 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số: 1698-01/PLHĐTC ngày 24/5/2019, Hợp đồng bảo đảm đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/5/2018, tài sản bảo đảm là GCNQSDĐ số AB 899288 do UBND huyện K cấp ngày 24/6/2005 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng thông qua Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh huyện K Đông G có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông L và bà Quý để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông L và bà Q không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì ông bà phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm (0,0277%/ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (thời gian chậm trả tính theo ngày).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều

chính lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự (THADS), người phải THADS có quyền thoả thuận thi hành án (THA), quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các Điều 6, 7 và 9 của LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của LTHADS.

Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Q phải chịu án phí DSST là **17.643.986** đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam thông qua chi nhánh huyện K Đông G số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 8.379.945 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: **0003563 ngày 16/11/2020** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh G.

Ông Nguyễn Văn L và bà Mai Thị Q có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 6.000.000 đồng cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam thông qua chi nhánh huyện K Đông G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh G xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

